

DANH SÁCH XẾP HẠNG VÒNG 9

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên Lớp	Số câu đúng	Số câu sai	Tổng số giây suy nghĩ	Thứ hạng	Số trận tham dự
1	ntt12-0684	Trần Bảo	5a2	41	6	1184	67	1
2	ntt12-0775	Phạm Duy Anh	5a4	40	10	983	73	1
3	ntt12-0835	Nguyễn Đăng Khoa	5a5	38	12	737	123	1
4	ntt12-0661	Vũ Nguyễn Mai Phương	5a1	36	14	1039	211	1
5	ntt12-0728	Trần Hải Anh	5a3	36	14	1073	215	1
6	ntt12-0656	Nghiêm Trần Mai Nguyên	5a1	36	6	1158	230	1
7	ntt12-0832	Mai Hồng Hưng	5a5	35	6	830	258	1
8	ntt12-0715	Bùi Gia Thái	5a2	33	17	687	369	1
9	ntt12-0693	Bùi Quang Huy	5a2	33	7	1141	396	1
10	ntt12-0683	Ngô Tiến Bảo	5a2	33	17	1160	405	1
11	ntt12-0659	Trần Nam Phong	5a1	33	15	1178	410	1
12	ntt12-0821	Nguyễn Gia Bảo	5a5	32	18	784	431	1
13	ntt12-0639	Nguyễn Đình Đức Huy	5a1	32	15	1137	461	1
14	ntt12-0688	Nguyễn Mạnh Cường	5a2	32	11	1166	465	1
15	ntt12-0804	Trần Hà Trang	5a4	32	18	1172	469	1
16	ntt12-0809	Đoàn Nhật Nam	5a4	31	19	826	496	1
17	ntt12-0633	Vũ Hà Anh	5a1	31	19	889	498	1
18	ntt12-0665	Trần Minh Thành	5a1	31	8	911	499	1
19	ntt12-0808	Đặng Anh Tú	5a4	31	19	1159	528	1
20	ntt12-0782	Vũ Gia Đại	5a4	31	5	1175	533	1
21	ntt12-0746	Nguyễn Diệu Linh	5a3	31	16	1186	544	1
22	ntt12-0843	Trần Phương Minh	5a5	31	9	1187	547	1
23	ntt12-0638	Đỗ Lê Minh Hà	5a1	30	16	1075	589	1
24	ntt12-0696	Nguyễn Anh Khôi	5a2	30	10	1175	609	1
25	ntt12-0649	Lê Bảo Minh	5a1	30	8	1190	616	1
26	ntt12-0807	Nguyễn Duy Tùng	5a4	29	11	1131	659	1
27	ntt12-0637	Ngô Minh Đức	5a1	29	21	1159	666	1

28	ntt12-0860	Lê Nhã Uyên	5a5	29	21	1163	670	1
29	ntt12-0827	Đỗ Tiến Đạt	5a5	29	18	1177	676	1
30	ntt12-0663	Lê Anh Thái	5a1	28	22	647	694	1
31	ntt12-0669	Thẩm Anh Thư	5a1	28	22	1097	718	1
32	ntt12-0704	Ngô Diễm My	5a2	28	4	1120	721	1
33	ntt12-0643	Vũ Trung Kiên	5a1	27	14	1135	762	1
34	ntt12-0852	Vũ Hoàng Sơn	5a5	27	8	1139	763	1
35	ntt12-0687	Lê Mạnh Cường	5a2	26	24	580	785	1
36	ntt12-0630	Hà Minh Anh	5a1	26	24	1101	801	1
37	ntt12-0772	Lê Vũ Mai Anh	5a4	26	15	1134	804	1
38	ntt12-0762	Vũ Quang Vinh	5a3	26	8	1185	821	1
39	ntt12-0672	Nguyễn Thị Hiền Trang	5a1	25	25	792	832	1
40	ntt12-0830	Dương Trung Hải	5a5	25	25	923	839	1
41	ntt12-0778	Trần Nguyễn Lam Anh	5a4	25	24	1164	847	1
42	ntt12-0784	Trần Trọng Hiếu	5a4	24	20	1159	878	1
43	ntt12-0712	Đàm Duy Quang	5a2	23	27	923	892	1
44	ntt12-0858	Nguyễn Bảo Trang	5a5	23	27	1148	898	1
45	ntt12-0859	Phạm Nguyệt Thanh Tú	5a5	23	10	1185	908	1
46	ntt12-0717	Nguyễn Anh Thư	5a2	22	28	637	913	1
47	ntt12-0660	Vũ Duy Phong	5a1	22	28	667	914	1
48	ntt12-0786	Lê Trần Minh Huyền	5a4	22	28	1041	922	1
49	ntt12-0695	Triệu Tường Khang	5a2	22	11	1180	926	1
50	ntt12-0802	Nguyễn Ngọc Anh Thư	5a4	21	29	790	930	1
51	ntt12-0662	Đinh Anh Quân	5a1	20	30	490	947	1
52	ntt12-0800	Đặng Diễm Quỳnh	5a4	19	7	940	975	1
53	ntt12-0670	Lương Bảo Trang	5a1	18	32	402	984	1
54	ntt12-0846	Vũ Hà My	5a5	18	32	644	986	1
55	ntt12-0792	Lê Ánh Mai	5a4	17	33	514	1000	1
56	ntt12-0771	Lê Nguyễn Tường Anh	5a4	16	34	663	1008	1
57	ntt12-0641	Trần Đăng Khoa	5a1	14	12	1170	1023	1
58	ntt12-0740	Nguyễn Ngọc Khánh	5a3	13	8	1171	1028	1
59	ntt12-0654	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	5a1	12	12	1185	1036	1

60	ntt12-0707	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	5a2	12	3	1188	1038	1
61	ntt12-0757	Trịnh Gia Nhi	5a3	1	4	160	1072	1
62	ntt12-0826	Phan Thùy Dương	5a5	0	3	201	1079	1